Đề luyện thi kì 1 hoá 12 lần 2

Họ và tên: ……..

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; He = 4; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Br = 80; Ag = 108.

Câu 1. (QG.18 - 203): Chất nào sau đây **không** làm mất màu dung dịch Br_2?

A. Axetilen. **B**. Propilen. **C**. Etilen. **D**. Metan.

Câu 2. (MH.18). Cho vài giọt nước brom vào dung dịch phenol, lắc nhẹ thấy xuất hiện

A. kết tủa trắng. **B.** kết tủa đỏ nâu. **C.** bọt khí. **D.** dung dịch màu xanh.

Câu 3. (C.12): Cho dãy các chất: etan, etanol, etanal, axit etanoic. Chất có nhiệt độ sôi cao nhất trong dãy là

A. etanal **B**. etan **C**. etanol. **D**. axit etanoic.

Câu 4. (MH.19): Etyl propionat là este có mùi thơm của dứa. Công thức của etyl propionat là

A. $HCOOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5COOC_2H_5$. **C.** $C_2H_5COOCH_3$. **D.** CH_3COOCH_3.

Câu 5. (QG.19 - 203). Chất nào sau đây thuộc loại đisaccarit?

A. Glucozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

Câu 6. (A.12): Số amin bậc một có cùng công thức phân tử C_3H_9N là

A. 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 7. (QG.18 - 204): Cho 9,85 gam hỗn hợp gồm hai amin đơn chức tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch chứa 18,975 gam hỗn hợp muối. Giá trị của V là

A. 300. **B**. 450. **C**. 400. **D**. 250.

Câu 8. (C.13): Phần trăm khối lượng của nguyên tố nitơ trong alanin là

A. 15,73%. **B**. 18,67%. **C**. 15,05%. **D**. 17,98%.

Câu 9. (QG.17 - 204). Số liên kết peptit trong phân tử Ala-Gly-Ala-Gly là

A. 1. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 10. (QG.18 - 203): Kim loại nào sau đây có độ cứng cao nhất?

A. Ag. **B**. Al. **C**. Cr. **D**. Fe.

Câu 11. (QG.19 - 203). Cho 1 ml dung dịch $AgNO_3$ 1% vào ống nghiệm sạch, lắc nhẹ, sau đó nhỏ từ từ từng giọt dung dịch NH_3 2M cho đến khi kết tủa sinh ra bị hòa tan hết. Nhỏ tiếp 3-5 giọt dung dịch chất X, đun nóng nhẹ hỗn hợp ở khoảng 60 – 70 °C trong vài phút, trên thành ống nghiệm xuất hiện lớp bạc sáng. Chất X là

A. axit axetic. **B.** anđehit fomic. **C.** glixerol. **D.** ancol etylic.

Câu 12. (B.07): Thủy phân este có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ (với xúc tác axit), thu được 2 sản phẩm hữu cơ X và Y. Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y. Vậy chất X là

A. ancol metylic. **B**. etyl axetat. **C**. ancol etylic. **D**. axit fomic.

Câu 13. (A.07): Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

A. 8,56 gam. **B.** 8,2 gam. **C.** 3,28 gam. **D.** 10,4 gam.

Câu 14. (QG.19 - 203). Tinh thể chất rắn X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong quả nho chín nên còn gọi là đường nho. Khử chất X bằng H_2 thu được chất hữu cơ Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là

A. fructozơ và sobitol. **B.** glucozơ và fructozơ.

C. glucozơ và sobitol. **D.** saccarozơ và glucozơ.

Câu 15. (A.12): Cho dãy các chất: $C_6H_5NH_2$ (1), $C_2H_5NH_2$ (2), $(C_6H_5)_2NH$ (3), $(C_2H_5)_2NH$ (4), NH_3 (5) (C_6H_5- là gốc phenyl). Dãy các chất sắp xếp theo thứ tự lực bazơ giảm dần là:

A. (3), (1), (5), (2), (4). **B.** (4), (1), (5), (2), (3).

C. (4), (2), (3), (1), (5). **D.** (4), (2), (5), (1), (3).

Câu 16. (QG.18 - 203): Kết quả thí nghiệm của các chất X; Y; Z với các thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Chất	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Dung dịch I_2	Có màu xanh tím
Y	Dung dịch $AgNO_3/NH_3$	Tạo kết tủa Ag
Z	Nước brom	Tạo kết tủa trắng

Các chất X, Y, Z lần lượt là:

A. tinh bột, anilin, etyl fomat. **B**. etyl fomat, tinh bột, anilin.

C. tinh bột, etyl fomat, anilin. **D**. anilin, etyl fomat, tinh bột.

LIVEWORKSHEETS

Câu 17. (A.13): Trong các dung dịch: $CH_3–CH_2–NH_2$, $H_2N–CH_2–COOH$, $H_2N–CH_2–CH(NH_2)–COOH$, $HOOC–CH_2–CH_2–CH(NH_2)–COOH$, số dung dịch làm xanh quỳ tím là

A. 4. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 2.

Câu 18. (QG.17 - 201). Thủy phân hoàn toàn 1 mol pentapeptit X, thu được 3 mol Gly, 1 mol Ala và 1 mol Val. Nếu thủy phân không hoàn toàn X thì thu được hỗn hợp sản phẩm trong đó có Ala-Gly, Gly-Ala, Gly-Gly-Ala nhưng không có Val-Gly. Amino axit đầu N và amino axit đầu C của peptit X lần lượt là

A. Ala và Gly. **B.** Ala và Val. **C.** Gly và Gly. **D.** Gly và Val.

Câu 19. (MH.15). Khi nói về protein, phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Protein có phản ứng màu biure.
B. Tất cả các protein đều tan trong nước tạo thành dung dịch keo.
C. Protein là những polipeptit cao phân tử có phân tử khối từ vài chục nghìn đến vài triệu.
D. Thành phần phân tử của protein luôn có nguyên tố nitơ.

Câu 20. (A.08): Khối lượng của một đoạn mạch tơ nilon-6,6 là 27346 đvC và của một đoạn mạch tơ capron là 17176 đvC. Số lượng mắt xích trong đoạn mạch nilon-6,6 và capron nêu trên lần lượt là

A. 113 và 152. **B.** 121 và 114. **C.** 113 và 114. **D.** 121 và 152.

Câu 21. (QG.19 - 202). Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Amilozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.
B. Poliacrilonitrin được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
C. Polibutađien được dùng để sản xuất cao su buna.
D. Poli(vinyl clorua) được điều chế bằng phản ứng cộng HCl vào etilen.

Câu 22. (MH.15). Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Ở điều kiện thường, các kim loại đều có khối lượng riêng lớn hơn khối lượng riêng của nước.
B. Tính chất hóa học đặc trưng của kim loại là tính khử.
C. Các kim loại đều chỉ có một số oxi hoá duy nhất trong các hợp chất.
D. Ở điều kiện thường, tất cả các kim loại đều ở trạng thái rắn.

Câu 23. (MH1.17): Thí nghiệm nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?

A. Cho kim loại Cu vào dung dịch HNO_3. **B.** Cho kim loại Fe vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$.
C. Cho kim loại Ag vào dung dịch HCl. **D.** Cho kim loại Zn vào dung dịch $CuSO_4$.

Câu 24. (C.13): Cho m gam Al phản ứng hoàn toàn với dung dịch HNO_3 loãng (dư), thu được 4,48 lít khí NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất). Giá trị của m là

A. 4,05. **B.** 2,70. **C.** 8,10. **D.** 5,40.

Câu 25. (MH.18). Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp metyl axetat và etyl axetat, thu được CO_2 và m gam H_2O. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 25 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 5,4. **B.** 4,5. **C.** 3,6. **D.** 6,3.

Câu 26. (MH3.2017). Xà phòng hóa hoàn toàn este X mạch hở trong dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp các chất hữu cơ gồm: $(COONa)_2$, CH_3CHO và C_2H_5OH. Công thức phân tử của X là

A. $C_6H_{10}O_4$. **B.** $C_6H_{10}O_2$. **C.** $C_6H_8O_2$. **D.** $C_6H_8O_4$.

Câu 27. (B.07): Cho glixerol phản ứng với hỗn hợp axit béo gồm $C_{17}H_{35}COOH$ và $C_{15}H_{31}COOH$, số loại trieste được tạo ra tối đa là

A. 6. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 28. (B.11): Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là

A. 4. **B.** 2. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 29. (MH1.17): Đốt cháy hoàn toàn a gam triglixerit X cần vừa đủ 4,83 mol O_2, thu được 3,42 mol CO_2 và 3,18 mol H_2O. Mặt khác, cho a gam X phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được b gam muối. Giá trị của b là

A. 53,16. **B.** 57,12. **C.** 60,36. **D.** 54,84.

Câu 30. (C.09): Lên men hoàn toàn m gam glucozơ thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dung dịch $Ca(OH)_2$ (dư) tạo ra 40 gam kết tủa. Nếu hiệu suất của quá trình lên men là 75% thì giá trị của m là

A. 48 **B.** 60 **C.** 30 **D.** 58

Câu 31. (B.07): Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác axit sunfuric đặc, nóng. Để có 29,7 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng đạt 90%). Giá trị của m là

LIVEWORKSHEETS

A. 30 kg. **B.** 10 kg. **C.** 21 kg. **D.** 42 kg.

Câu 32. (B.10): Hỗn hợp X gồm alanin và axit glutamic. Cho m gam X tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH (dư), thu được dung dịch Y chứa (m+30,8) gam muối. Mặt khác, nếu cho m gam X tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl, thu được dung dịch Z chứa (m+36,5) gam muối. Giá trị của m là

A. 112,2. **B.** 165,6. **C.** 123,8. **D.** 171,0.

Câu 33. (A.12): Cho dãy các chất: stiren, ancol benzylic, anilin, toluen, phenol (C_6H_5OH). Số chất trong dãy có khả năng làm mất màu nước brom là

A. 5. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

Câu 34. (C.08): Cho dãy các chất: HCHO, CH_3COOH, $CH_3COOC_2H_5$, HCOOH, C_2H_5OH, $HCOOCH_3$. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là

A. 3. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 35. (QG.18 - 202): Cho các dung dịch: glixerol; anbumin; saccarozơ; glucozơ. Số dung dịch phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm là:

A. 4. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 36. (QG.17 - 204). Cho các chất sau: etyl axetat, anilin, glucozơ, Gly-Ala. Số chất bị thủy phân trong môi trường kiềm là

A. 2. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 3.

Câu 37. (C.12): Cho dãy các dung dịch: axit axetic, phenylamoni clorua, natri axetat, metylamin, glyxin, phenol (C_6H_5OH). Số dung dịch trong dãy tác dụng được với dung dịch NaOH là

A. 6. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 38. (QG.17 - 203). Cho các phát biểu sau:

(a) Dung dịch lòng trắng trứng bị đông tụ khi đun nóng.
(b) Trong phân tử lysin có một nguyên tử nitơ.
(c) Dung dịch alanin làm đổi màu quỳ tím.
(d) Triolein có phản ứng cộng H_2 (xúc tác Ni, t°).
(e) Tinh bột là đồng phân của xenlulozơ.
(g) Anilin là chất rắn, tan tốt trong nước.

Số phát biểu đúng là

A. 4. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 3.

Câu 39. (B.11): Cho các phát biểu sau về cacbohiđrat:

(a) Glucozơ và saccarozơ đều là chất rắn có vị ngọt, dễ tan trong nước.
(b) Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit.
(c) Trong dung dịch, glucozơ và saccarozơ đều hòa tan $Cu(OH)_2$, tạo phức màu xanh lam.
(d) Khi thủy phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit, chỉ thu được một loại monosaccarit duy nhất.
(e) Khi đun nóng glucozơ (hoặc fructozơ) với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được Ag.
(g) Glucozơ và saccarozơ đều tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) tạo sobitol.

Số phát biểu đúng là:

A. 6 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 40. (QG.18 - 204): Cho các sơ đồ phản ứng theo đúng ti lệ mol:

$$(a)\ X + 2NaOH \xrightarrow{t^0} X_1 + X_2 + H_2O$$

$$(b)\ X_1 + H_2SO_4 \longrightarrow X_3 + Na_2SO_4$$

$$(c)\ nX_3 + nX_4 \xrightarrow{t^0,xt} poli(etylen\ terephtalat) + 2nH_2O$$

$$(d)\ X_3 + 2X_2 \xrightarrow{H_2SO_4,t^o} X_5 + 2H_2O$$

Cho biết: X là hợp chất hữu cơ có công thức phân tử $C_{10}H_{10}O_4$, X_1, X_2, X_3, X_4, X_5 là các hợp chất hữu cơ khác nhau. Phân tử khối của X_5 là

A. 118. **B.** 194. **C.** 222. **D.** 202.

____HẾT___

LIVEWORKSHEETS